TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06-8-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chương

Bà Nguyễn Thị Luyến

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 443/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Bùi Thị C; địa chỉ: Thôn 11, xã ĐH, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn D; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 2, xã TT, huyện AD, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án tại Đội 9, Phân trại 1, Trại giam NX; trụ sở: Xã XL, huyện NT, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Bùi Thị C và ông Phạm Văn D xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện DA, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông Phạm Văn D vi phạm pháp luật, hiện

nay đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam. Bà Bùi Thị C nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn ông Phạm Văn D. Vợ chồng có một con chung tên Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2005, khi ly hôn bà Bùi Thị C xin được nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, bà Bùi Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến và đề nghị của bị đơn: Thừa nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như bà Bùi Thị C trình bày là đúng và hiện nay ông Phạm Văn D đang chấp hành tại Đội 9, Phân trại 1, Trại giam NX. Nay bà Bùi Thị C xin ly hôn ông đồng ý. Vợ chồng có một con chung tên Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2005, do hiện nay ông đang phải chấp hành án trong trại giam nên không có điều kiện nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho bà Bùi Thị C được ly hôn ông Phạm Văn D. Về con chung, vợ chồng có một con chung, giao con cho bà Bùi Thị C nuôi. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung không xem xét giải quyết vì không có yêu cầu. Bà Bùi Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án: Giấy chứng nhận kết hôn số của Ủy ban nhân dân xã TT, huyện DA, thành phố Hải Phòng xác định bà Bùi Thị C và ông Phạm Văn D kết hôn với nhau vào ngày 09 tháng 9 năm 2005; Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương xác định vợ chồng có mâu thuẫn từ cuối năm 2008, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, ông Phạm Văn D vi phạm pháp luật và bị kết án tù. Vợ chồng có một con chung, hiện nay đang ở cùng bà Bùi Thị C. Về tài sản chung, đề nghị giải quyết theo yêu cầu của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đương sự có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện NT, thành phố Hải Phòng giải quyết vụ án. Tòa án triệu tập hợp lệ, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị C và ông Phạm Văn D được xác lập vào năm 2005 là hợp pháp. Tài liệu chứng cứ thu thập được thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, ông Phạm Văn D vi phạm pháp luật và hiện đang chấp hành án tại trại giam. Chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của bà Bùi Thị C là phù hợp Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xác định vợ chồng có một con chung tên Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2005. Việc nuôi con của bà Bùi Thị C đã ổn định, con chung có nguyện vọng được ở với mẹ; ông Phạm Văn D hiện đang chấp hành án tại trại giam. Vì vậy, giao con chung cho bà Bùi Thị C trực tiếp nuôi là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bà Bùi Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Bà Bùi Thị C được ly hôn ông Phạm Văn D.

2. Về con chung: Giao cho bà Bùi Thị C trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Thị Thanh H, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2005. Việc nuôi con được thực hiện đến khi con đủ 18 hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009131 ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện

Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; bà Bùi Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã TT, huyện DA, Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Anh Sơn